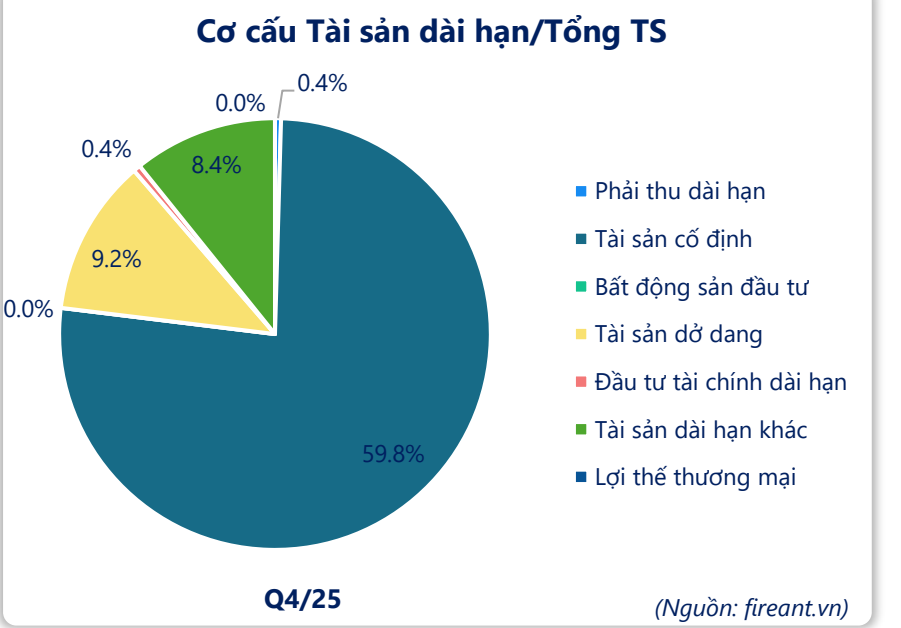
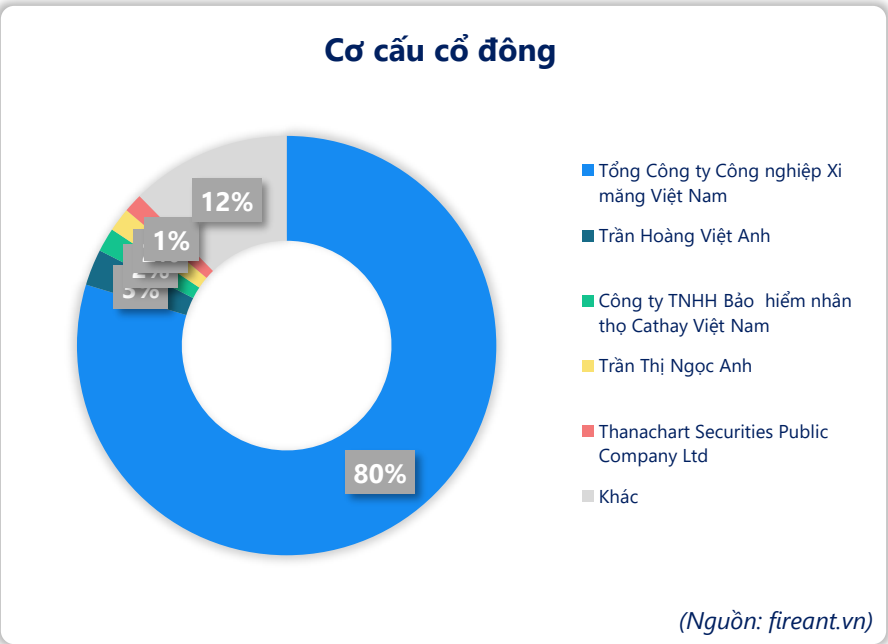
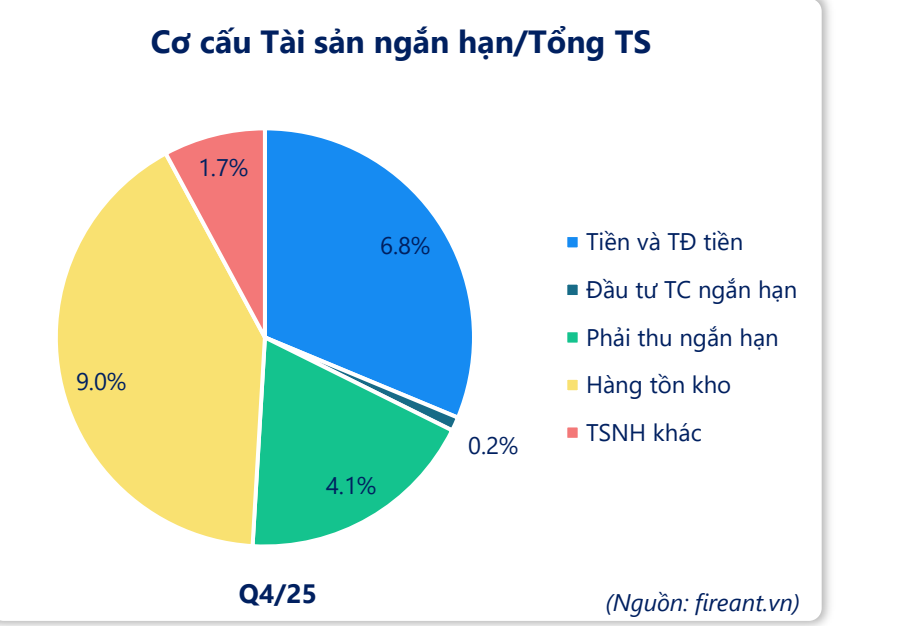
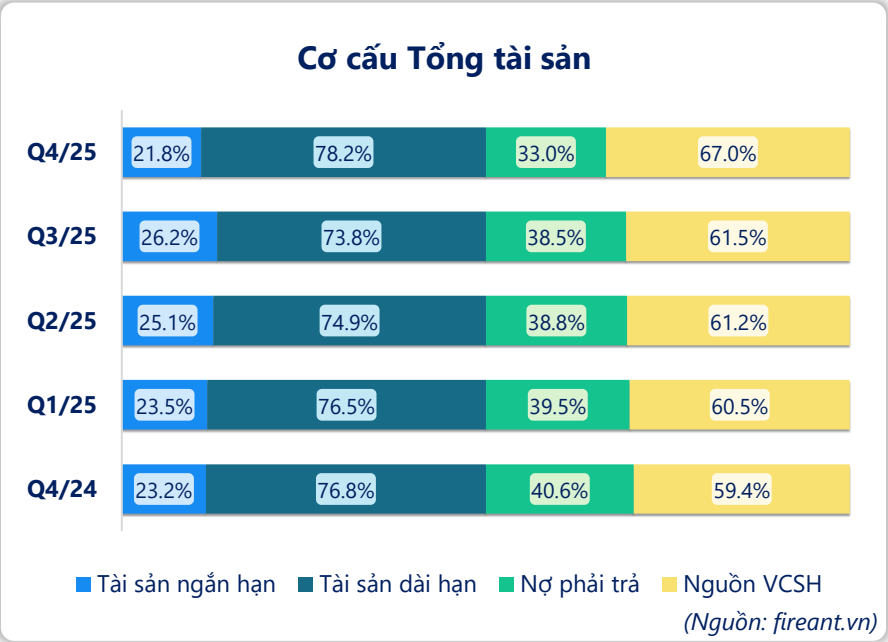
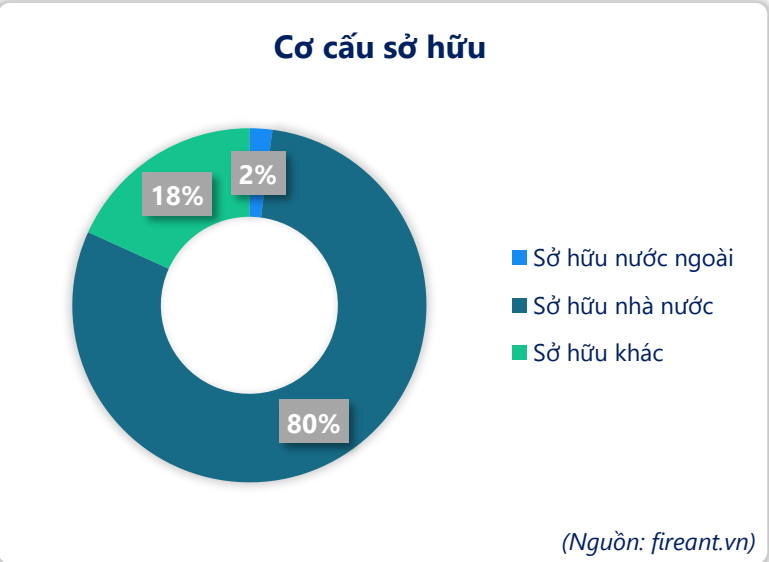
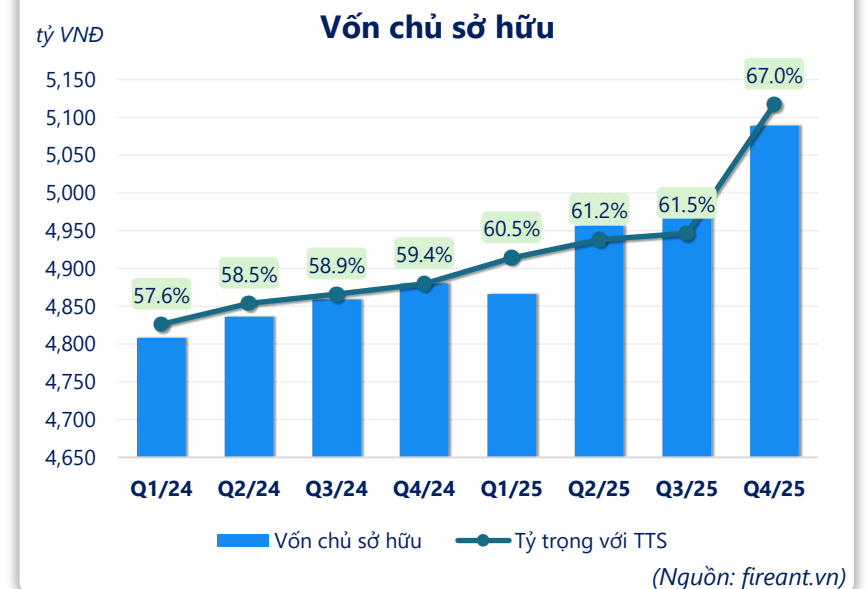
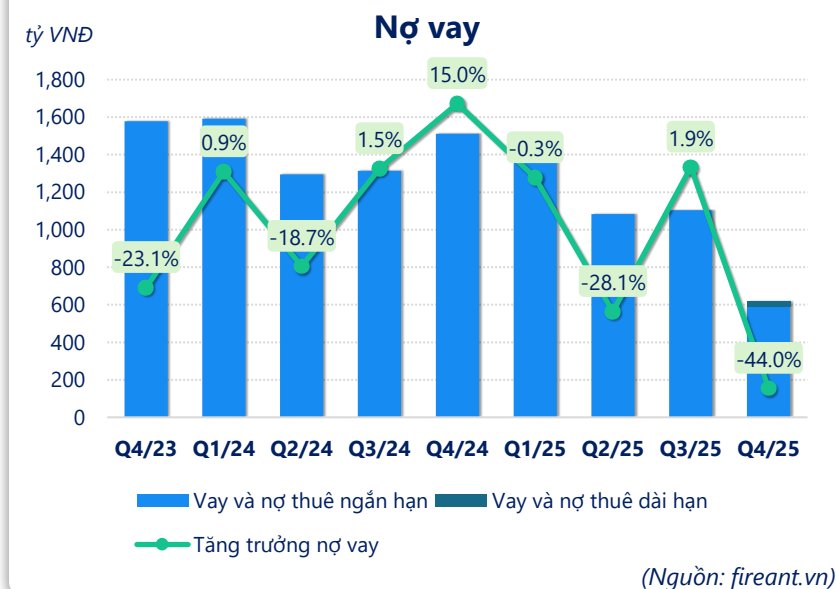
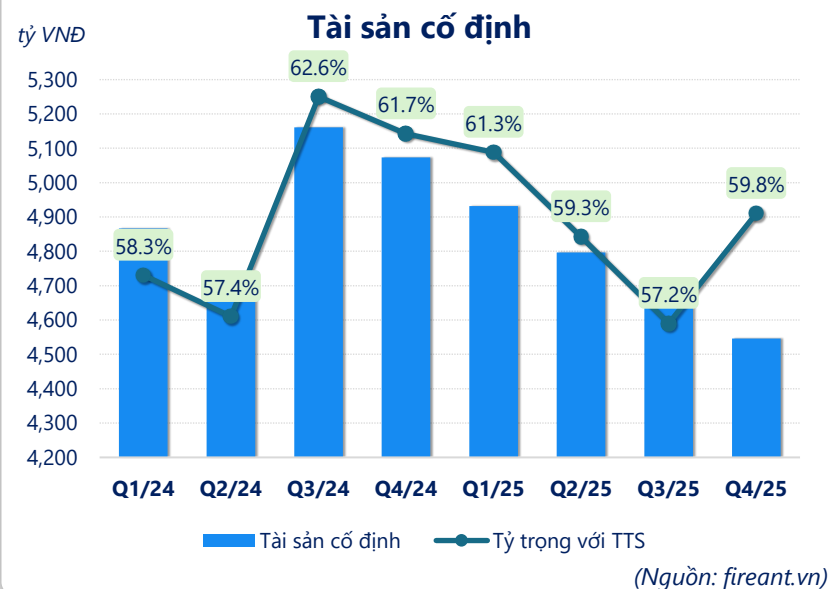
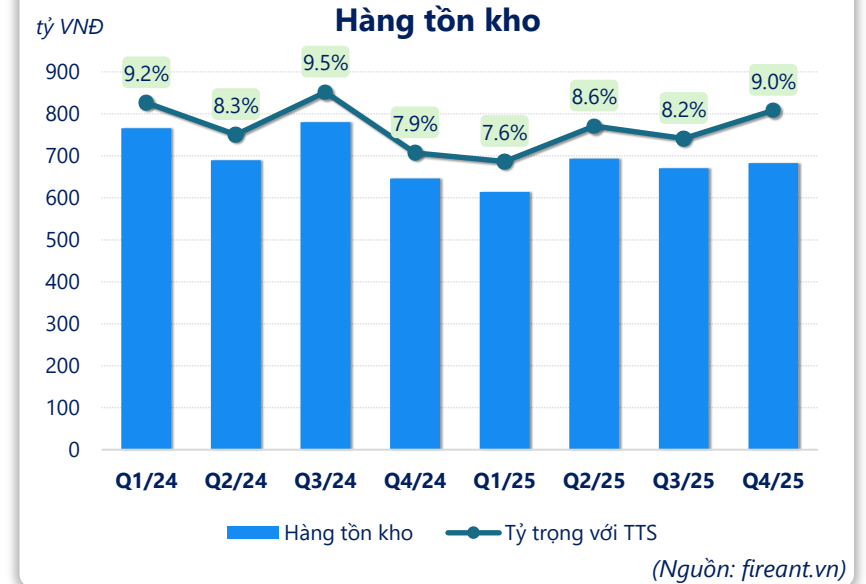
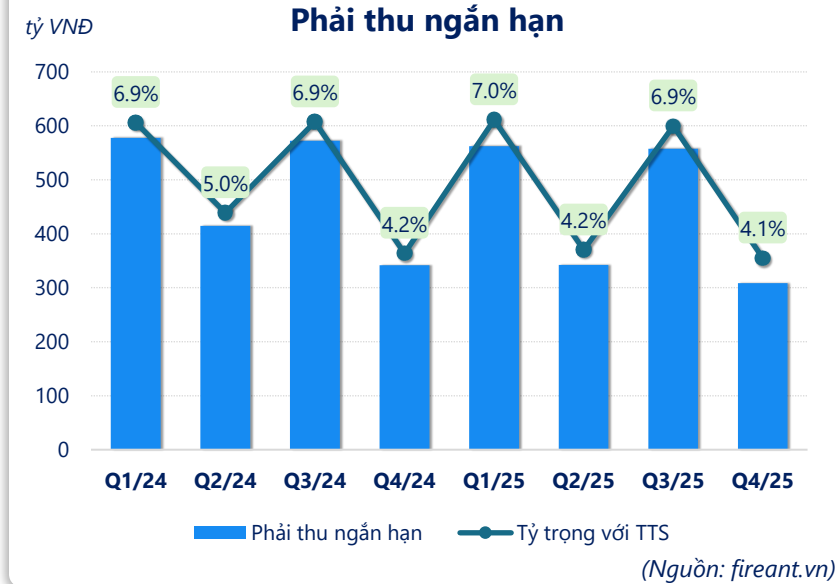
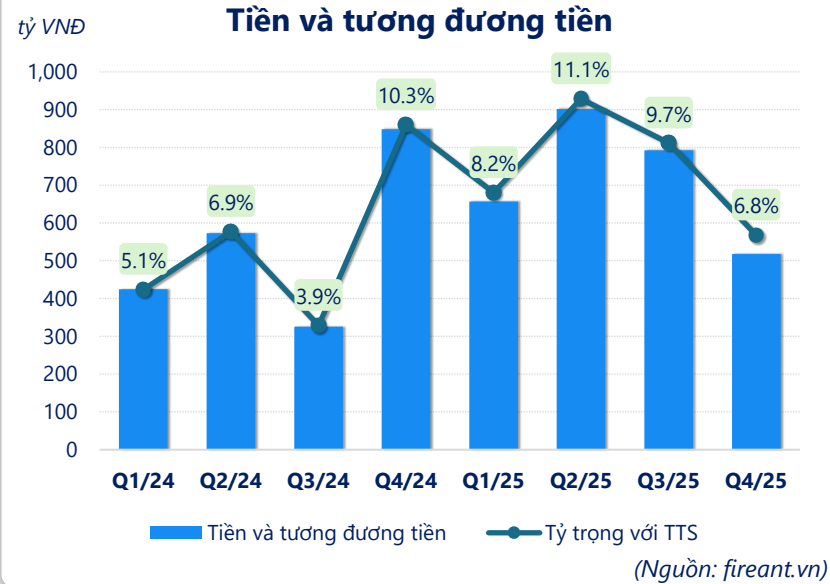
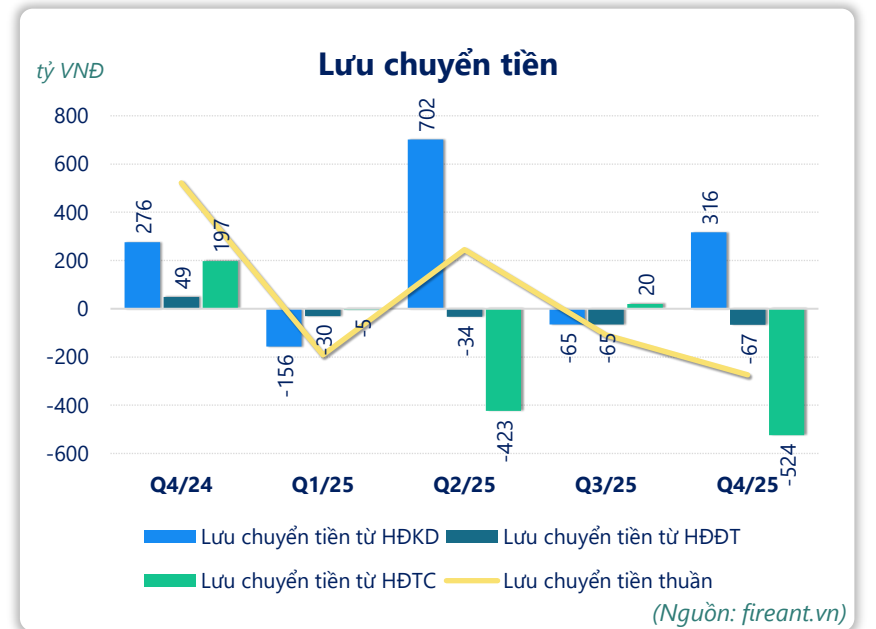
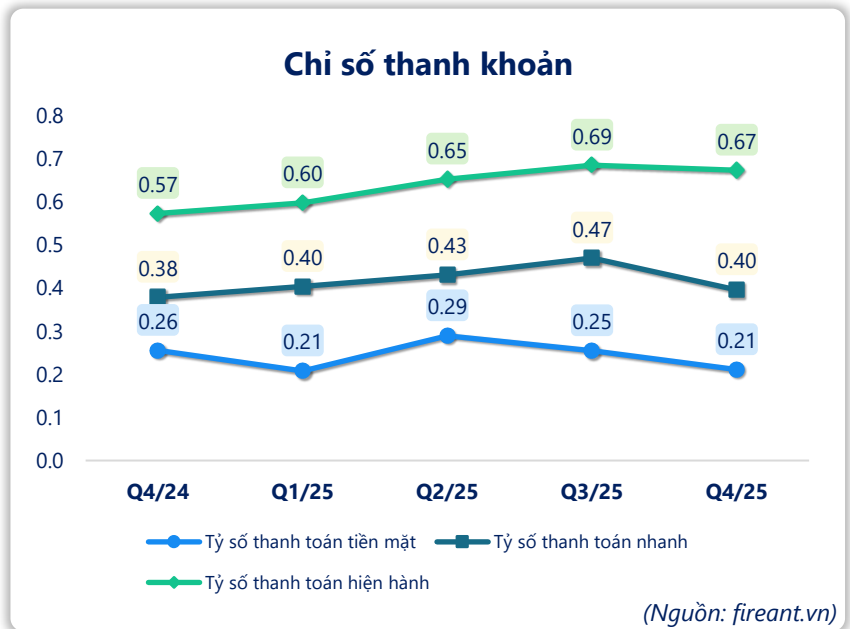
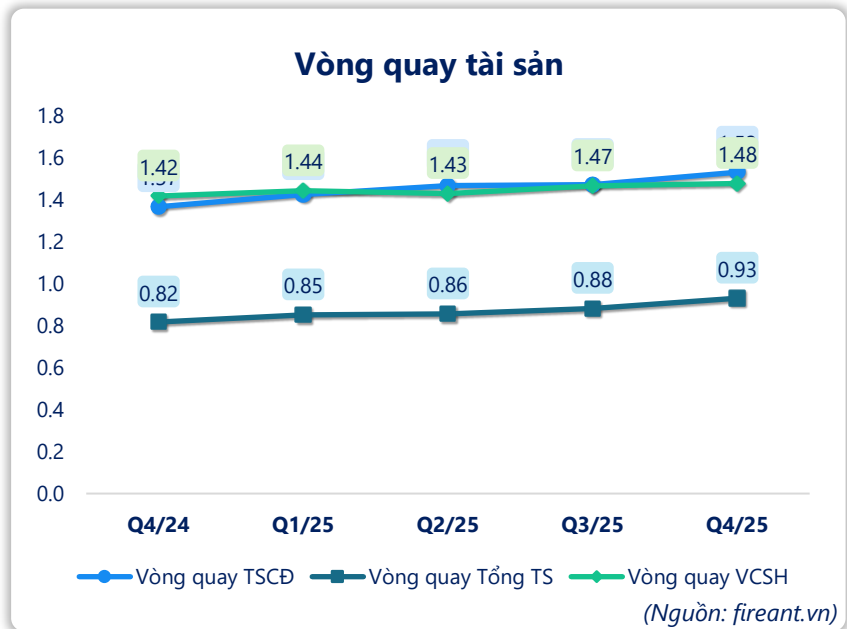
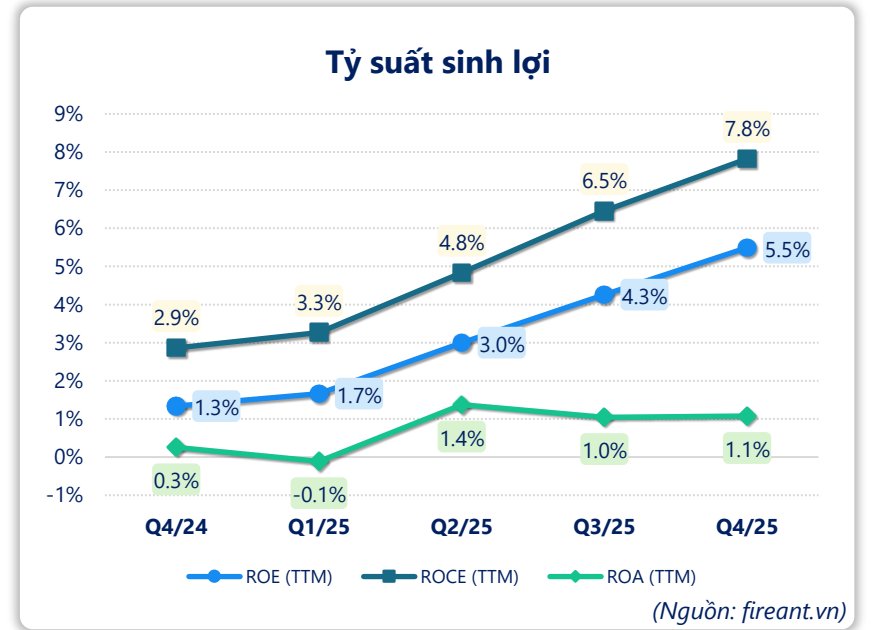
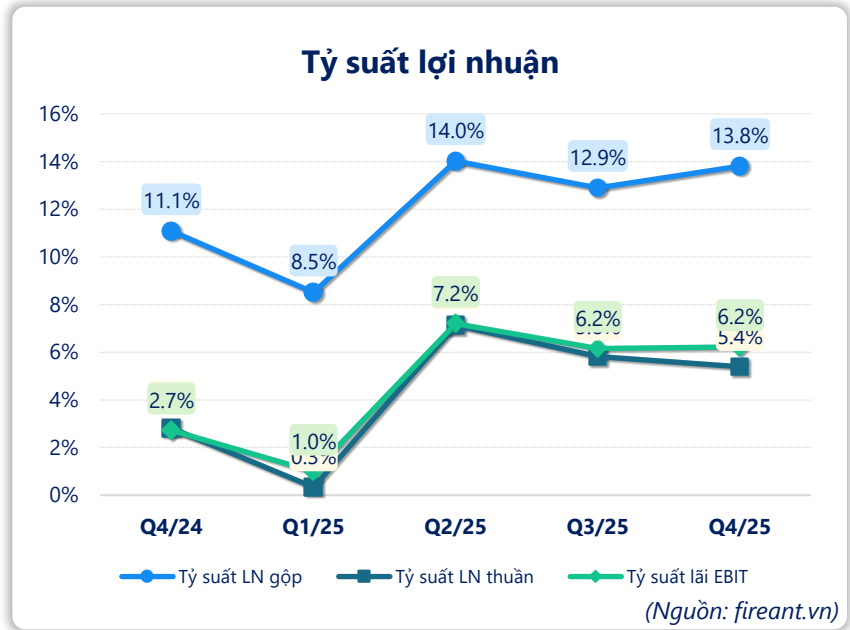
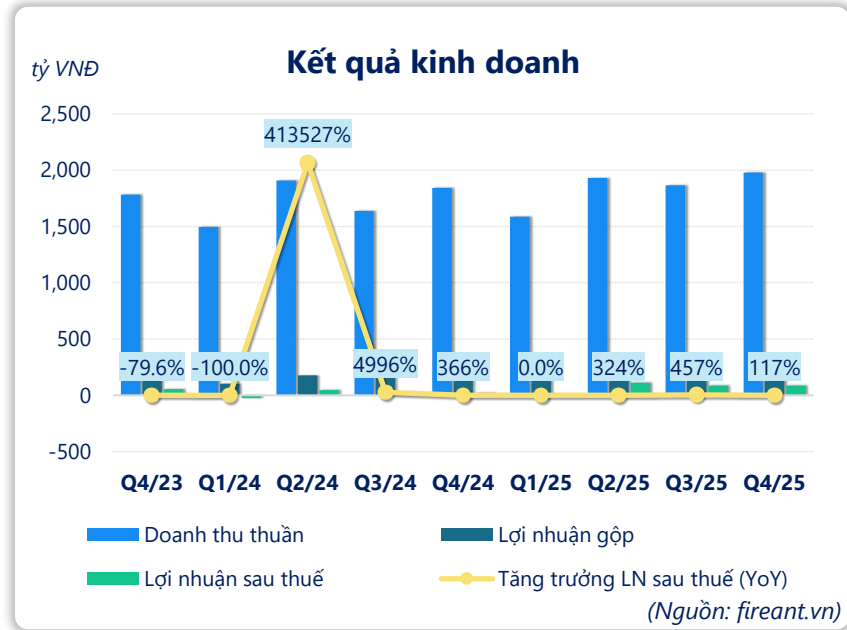


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,249
SL cổ phiếu LH		381,589,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)		263,601
% sở hữu nước ngoài		2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		6,296
P/E		23.0
EPS		717

	YTD	1T	3T	6T
HT1	40.0%	5.1%	-6.5%	28.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	7,600	8,223	-7.6%
Tài sản ngắn hạn	1,657	1,904	-13.0%
Tiền và tương đương tiền	518	849	-38.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.7	17.0	4.2%
Phải thu ngắn hạn	308	342	-9.8%
Hàng tồn kho	683	646	5.6%
Tài sản ngắn hạn khác	130	50.3	159%
Tài sản dài hạn	5,943	6,319	-6.0%
Phải thu dài hạn	26.8	22.7	18.1%
Tài sản cố định	4,546	5,074	-10.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	697	526	32.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	32.0	36.5	-12.2%
Tài sản dài hạn khác	641	660	-2.9%
Lợi thế thương mại	0.03	0.07	-50.0%
Nợ phải trả	2,512	3,348	-25.0%
Nợ ngắn hạn	2,460	3,327	-26.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	589	1,511	-61.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,109	1,130	-1.9%
Nợ dài hạn	51.5	21.0	145%
Vay và nợ thuê dài hạn	28.4	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,089	4,875	4.4%
Vốn chủ sở hữu	5,089	4,875	4.4%
Vốn điều lệ	3,816	3,816	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,843	1,587	1,931	1,867	1,980
Giá vốn hàng bán	1,639	1,452	1,660	1,626	1,706
Lợi nhuận gộp	204	135	271	241	274
Doanh thu HĐTC	3.41	3.54	4.56	7.59	6.69
Chi phí TC	20.3	20.7	23.3	23.7	20.4
Chi phí lãi vay	12.7	14.0	11.3	9.68	7.40
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	53.7	42.3	48.4	46.0	60.1
Chi phí QLDN	81.9	70.3	66.1	70.2	93.1
LN thuần từ HĐKD	51.7	5.29	138	109	107
Lợi nhuận khác	-14.4	-3.54	-9.88	-3.34	9.13
LN trước thuế	37.4	1.75	128	105	116
Lợi nhuận sau thuế	21.4	-9.18	112	85.8	85.0
LNST của CĐ cty mẹ	21.3	-9.18	112	85.7	84.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	276	-156	702	-64.8	316
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	48.8	-30.3	-33.8	-65.0	-66.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	197	-5.17	-423	20.1	-524
Tiền đầu kỳ	325	849	657	902	792
Lưu chuyển tiền thuần	522	-192	245	-110	-274
Ảnh hưởng tỷ giá	1.50	0.37	0.02	0.01	-0.21
Tiền cuối kỳ	849	657	902	792	518

(Nguồn: fireant.vn)